

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Ngày 30/09/2025	14,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.8%	0%	-6.9%

DT thuần Q3/25
19.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.40 -18.5%
YoY: ▼9.60 -33.1%

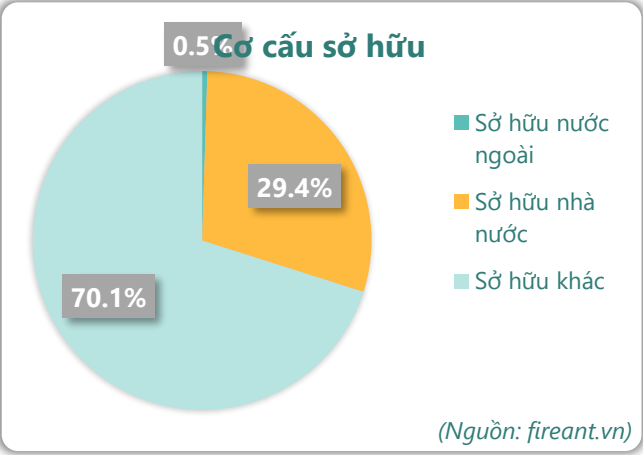
LN thuần Q3/25
0.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.90 -73.5%
YoY: ▼1.00 -59.3%

LN sau thuế Q3/25
0.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.02 -65.4%
YoY: ▼0.80 -59.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.5%
YoY: +/-▼ 4.7%

ROE (TTM) Q3/25
5.8%
YoY: +/-▼ 2.0%

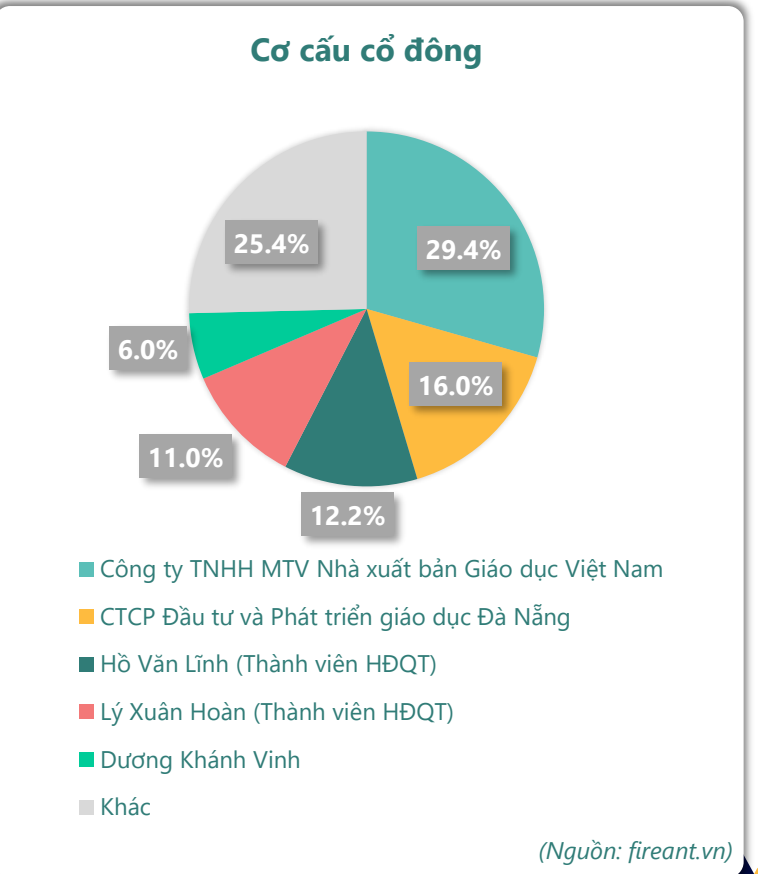
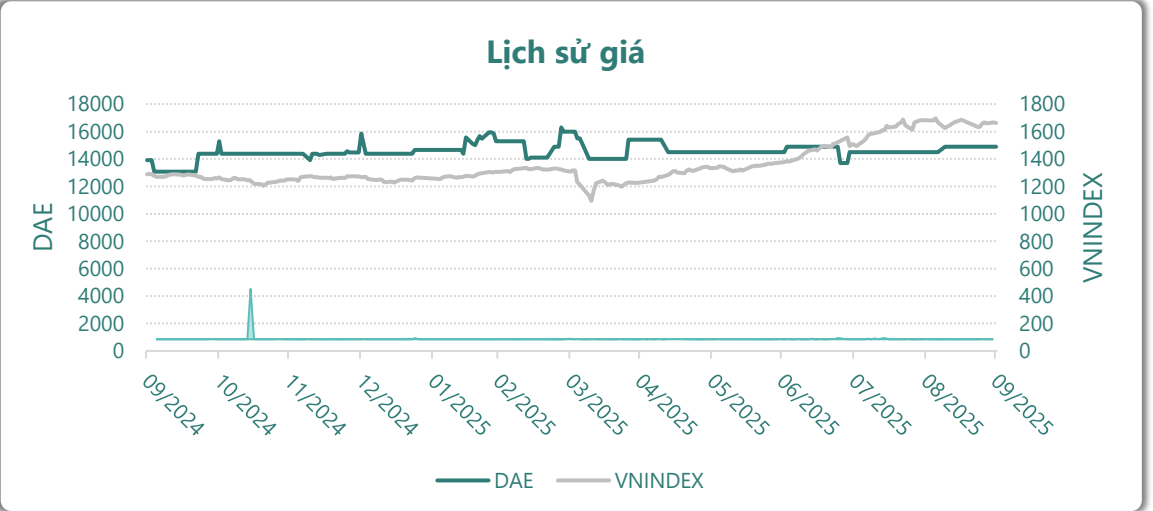
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,075 - 16,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29
Số lượng CPLH (CP)	1,925,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	80
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.16
EPS	1,278
P/E	11.7



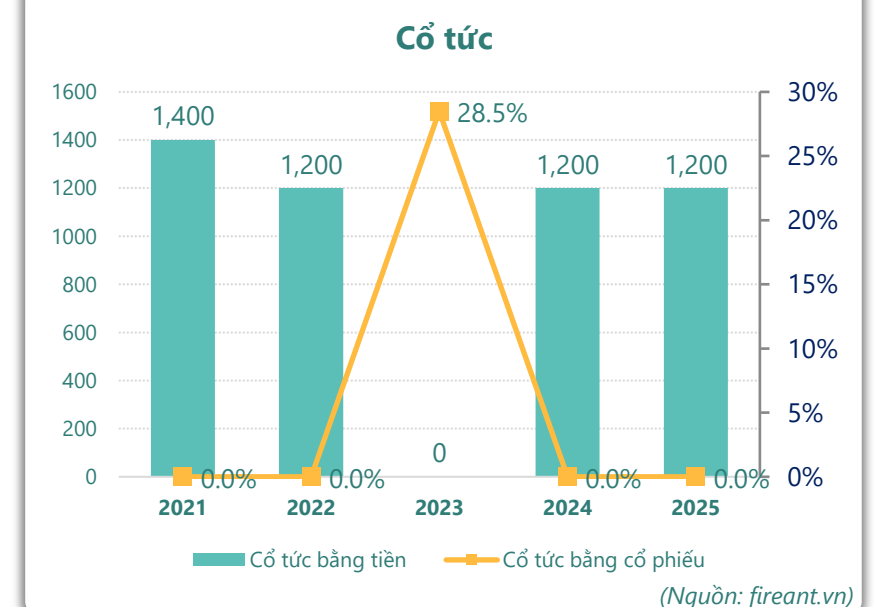
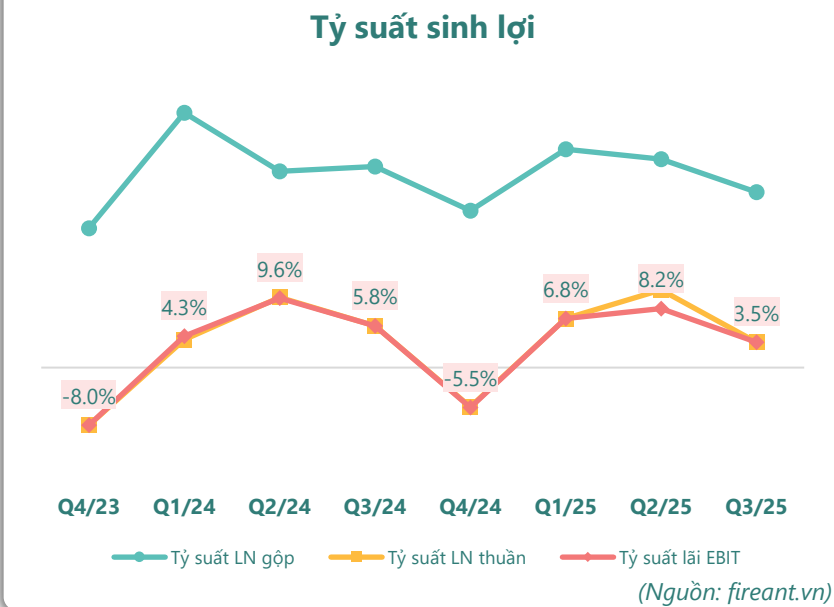
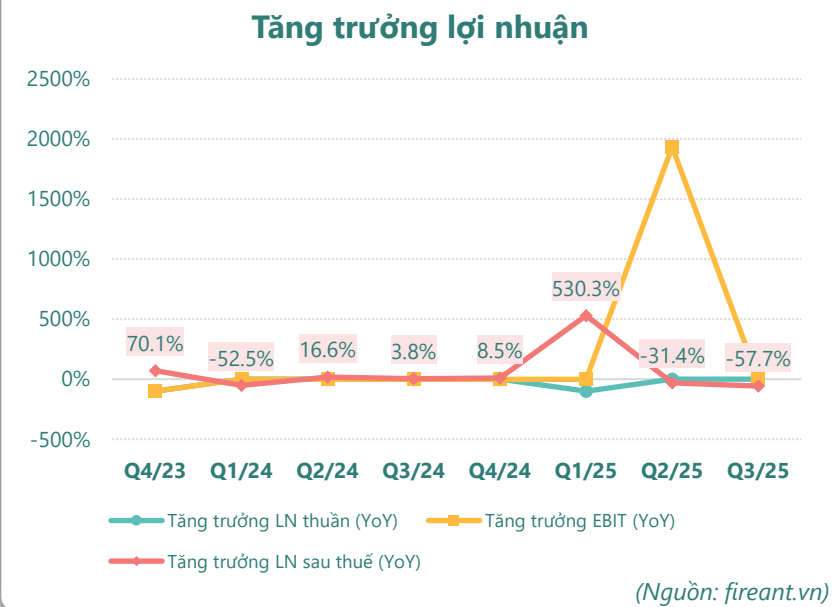
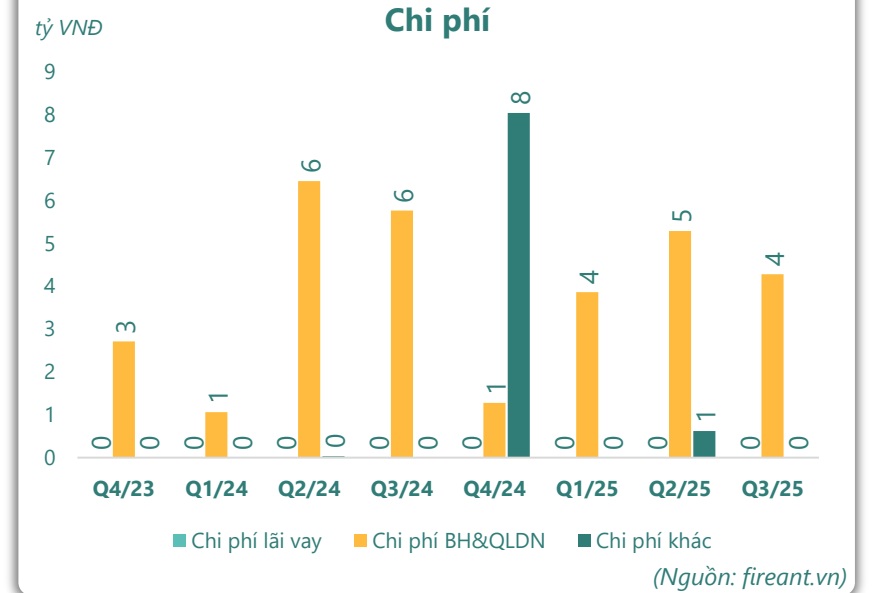
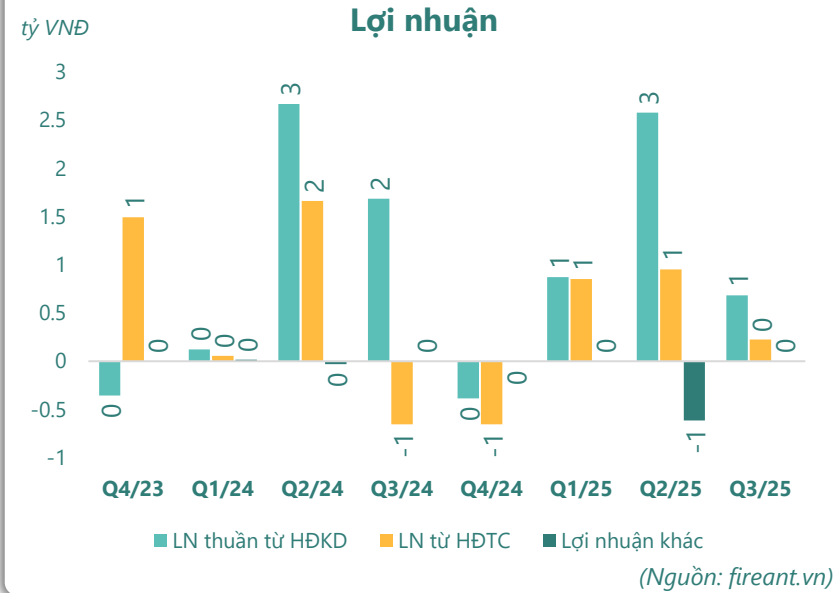
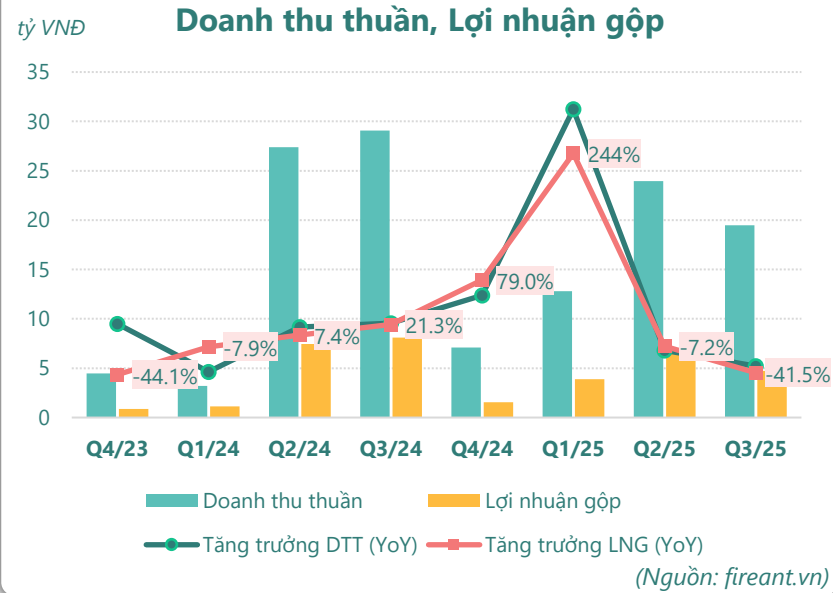
DT thuần 9T 2025
56.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.50 -5.7%

LN thuần 9T 2025
4.14
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.34 -7.6%

LN sau thuế 9T 2025
2.79
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.71 -20.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH

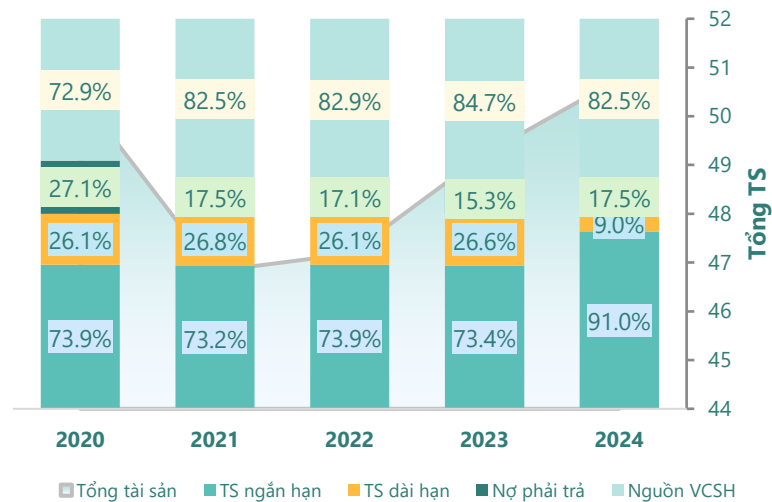




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

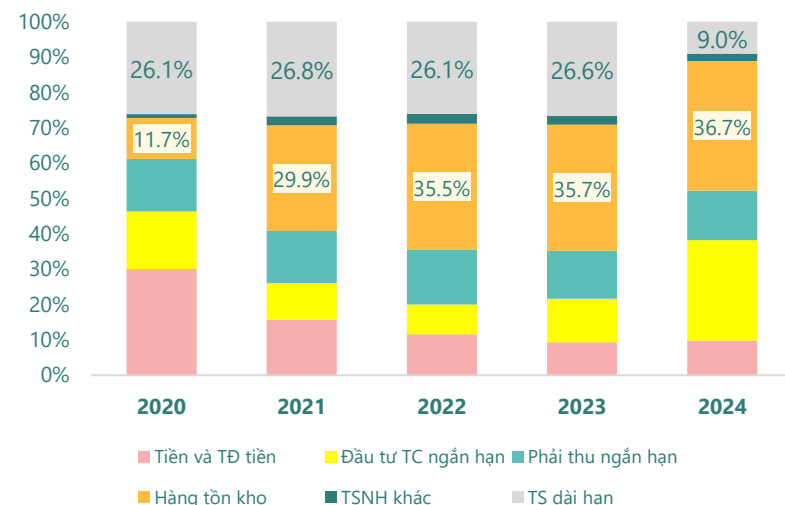
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

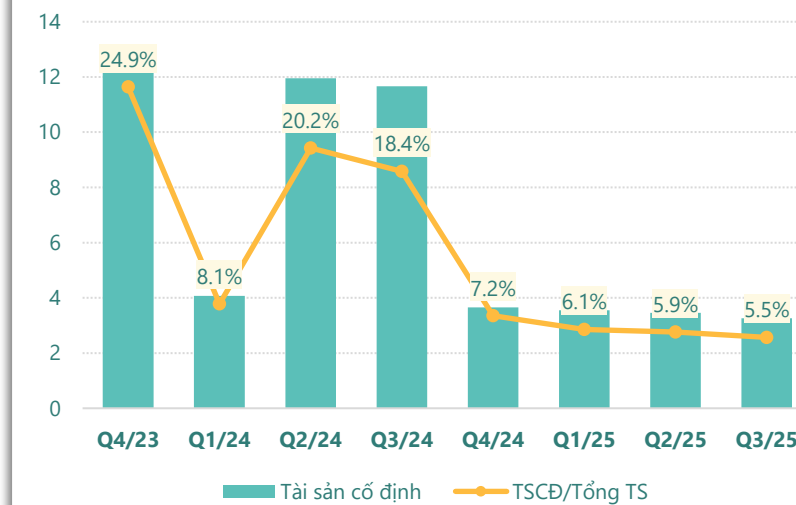
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

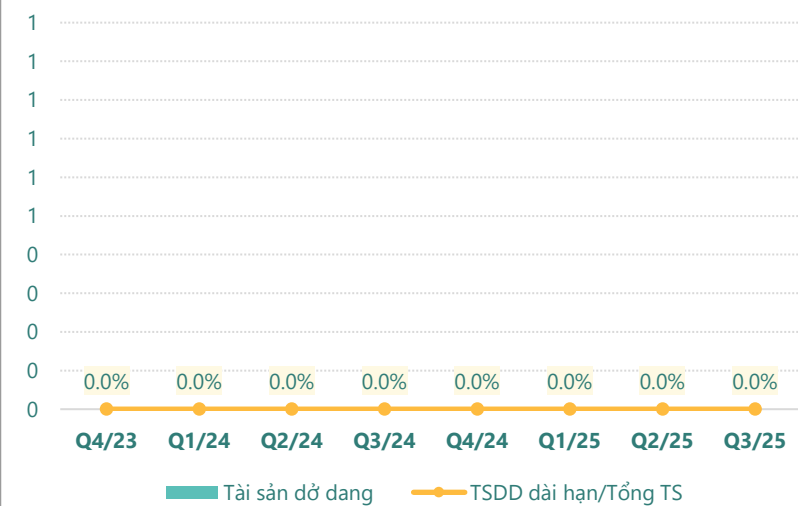
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

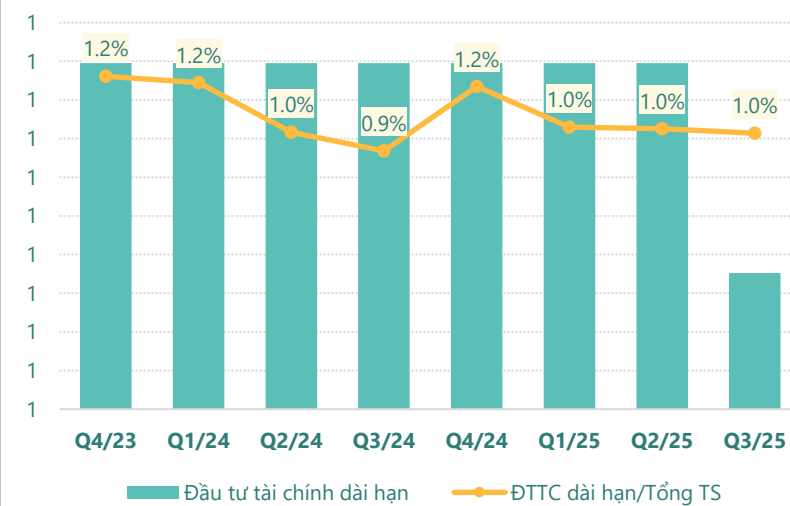
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

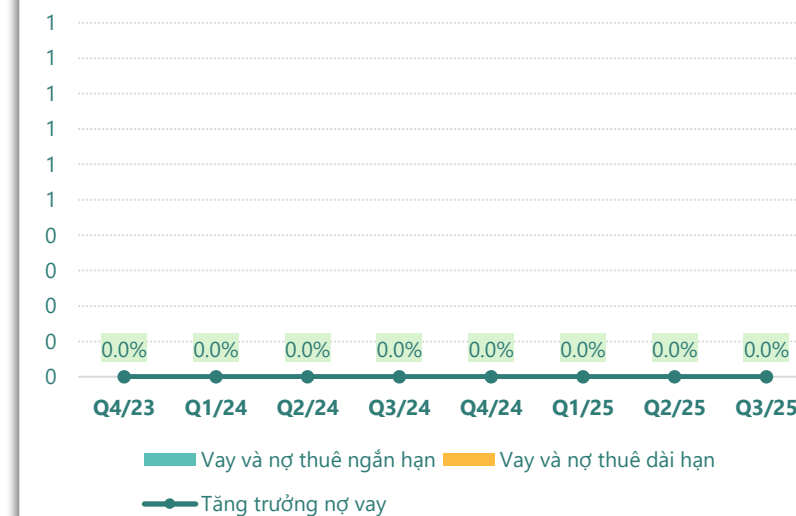
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

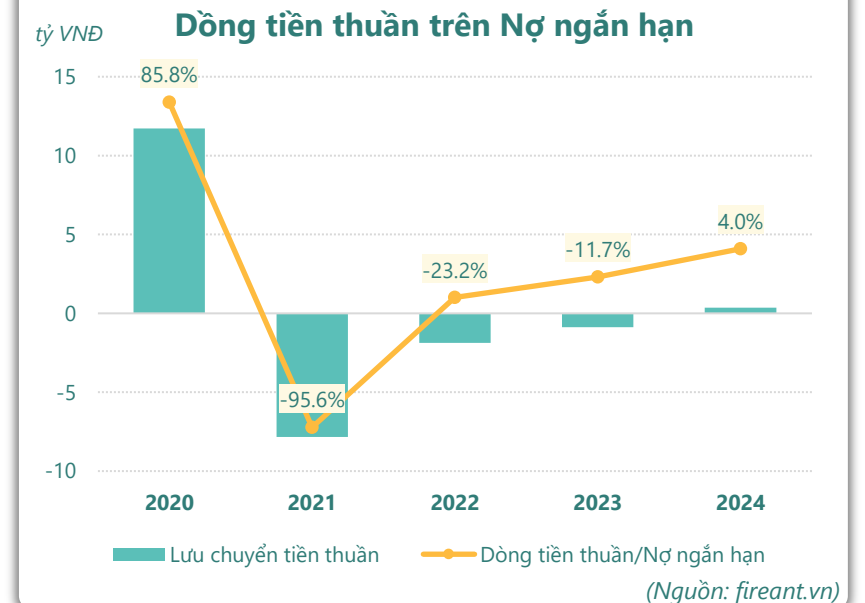
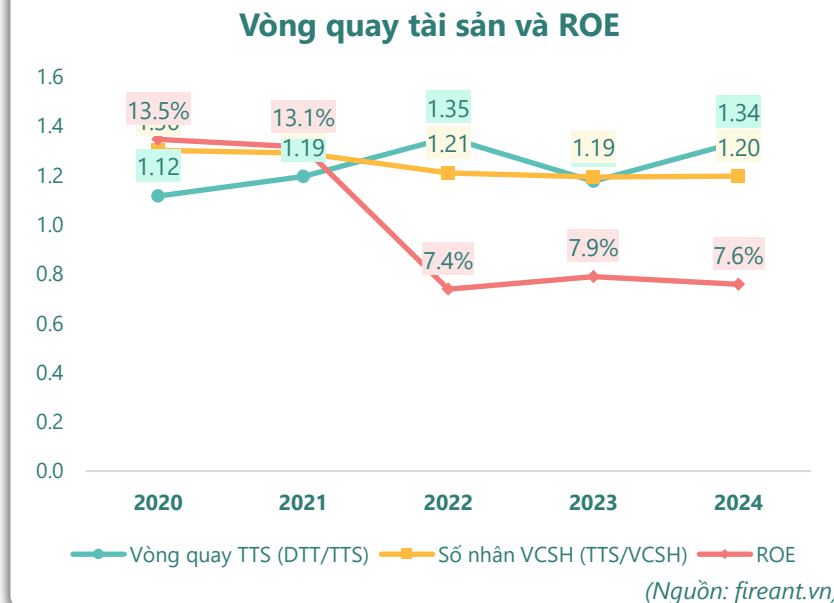
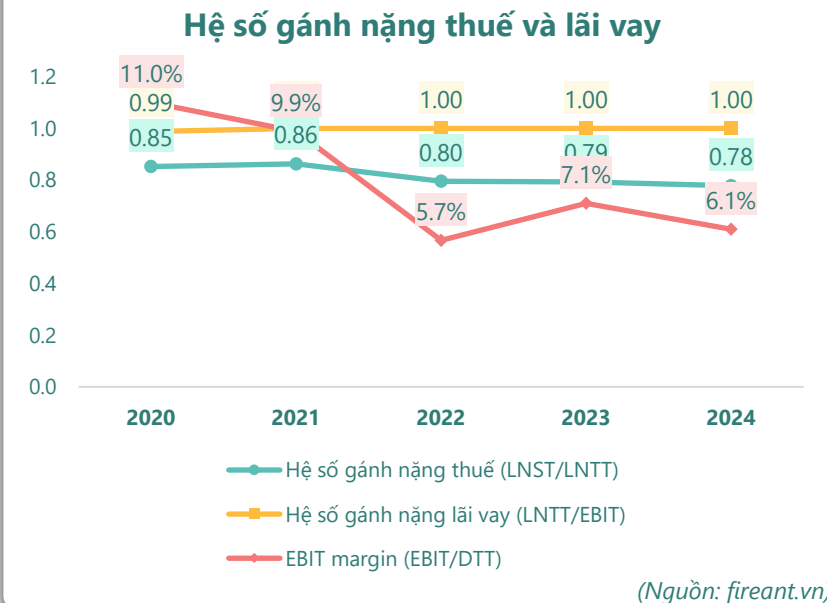
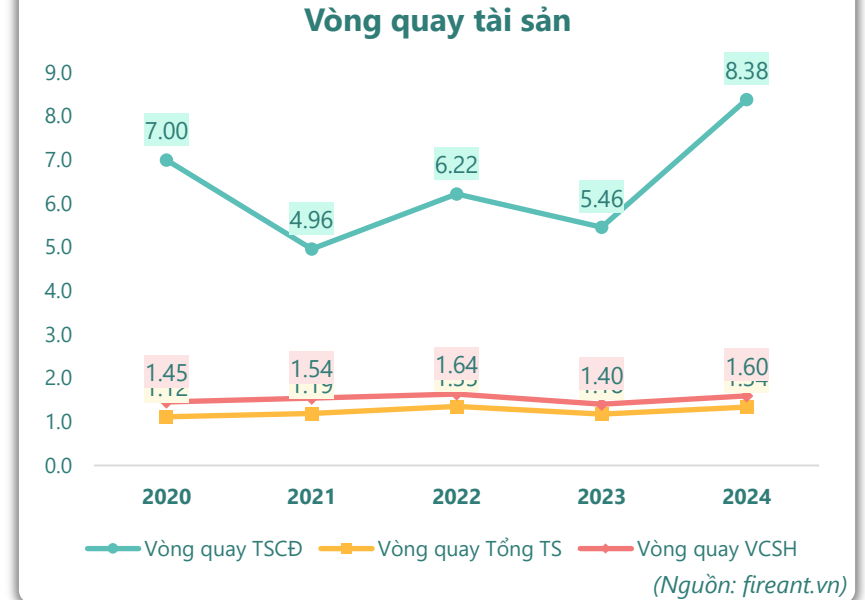
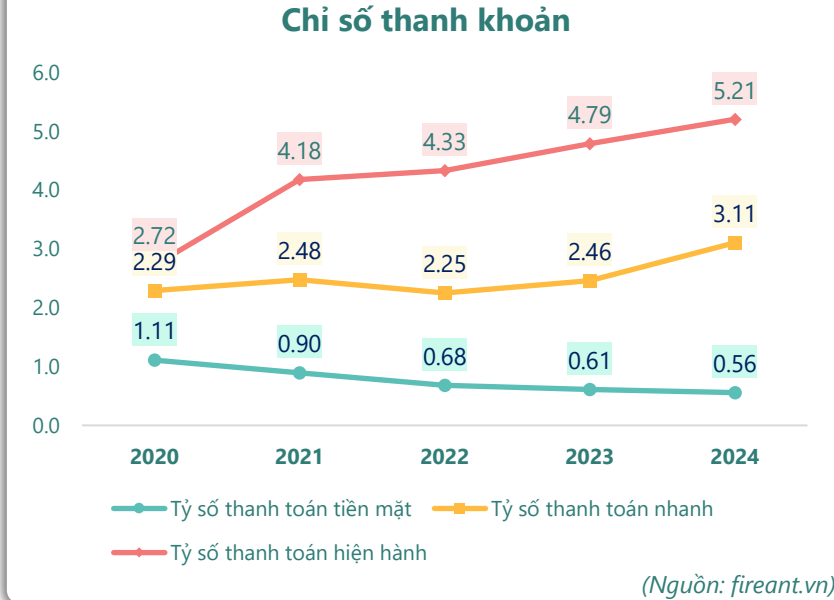
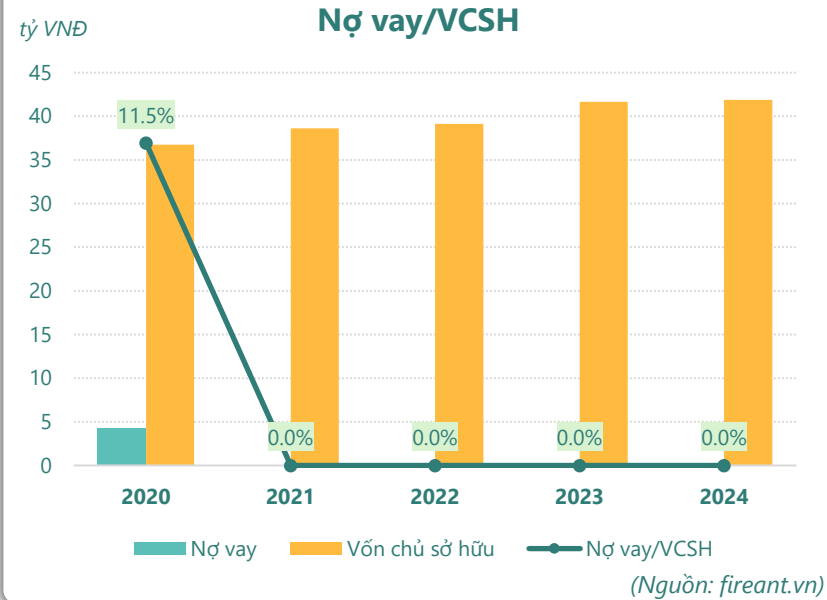
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	19.5	29.1	-33.1%	56.2	59.7	-5.7%
Giá vốn hàng bán	14.7	21.0	-29.8%	40.7	43.0	-5.3%
Lợi nhuận gộp	4.74	8.11	-41.6%	15.5	16.7	-6.9%
Doanh thu HĐTC	0.25	0.00		1.30	0.12	951%
Chi phí TC	0.02	0.65	-97.1%	-0.73	-0.94	22.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.77	2.51	-29.3%	5.74	5.85	-1.9%
Chi phí QLDN	2.51	3.26	-23.1%	7.69	7.43	3.5%
LN thuần từ HĐKD	0.68	1.68	-59.3%	4.14	4.48	-7.6%
Lợi nhuận khác	0	0.00		-0.62	-0.02	-4003%
LN trước thuế	0.68	1.68	-59.3%	3.52	4.46	-21.1%
Lợi nhuận sau thuế	0.54	1.34	-59.8%	2.79	3.50	-20.1%
LNST của CĐ cty mẹ	0.54	1.34	-59.8%	2.79	3.50	-20.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.62	6.15	-1.45	2.84	2.05	2.70
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.06	-1.98	0.00	1.96	-1.83	-1.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.31	0	0	-4.50	2.18	0
Tiền đầu kỳ	0.86	2.23	6.40	4.95	5.25	7.65
Lưu chuyển tiền thuần	1.37	4.17	-1.45	0.30	2.40	1.57
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.23	6.40	4.95	5.25	7.65	9.22

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	59.3	50.8	16.7%
Tài sản ngắn hạn	54.4	46.2	17.9%
Tiền và tương đương tiền	9.22	4.95	86.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	14.4	-9.7%
Phải thu ngắn hạn	17.3	7.12	143%
Hàng tồn kho	14.1	18.6	-24.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	1.04	-22.4%
Tài sản dài hạn	4.82	4.59	5.2%
Phải thu dài hạn	0.02	0.33	-93.0%
Tài sản cố định	3.26	3.65	-10.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.59	0.59	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	0.95	0.01	8019%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.9	8.88	90.2%
Nợ ngắn hạn	16.9	8.87	90.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.10	6.40	11.0%
Nợ dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	42.4	41.9	1.2%
Vốn chủ sở hữu	42.4	41.9	1.2%
Vốn điều lệ	19.3	19.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

